

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT
KHOA GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG
BỘ MÔN ĐƯỜNG LỐI QUÂN SỰ**



BÁO CÁO HỌC THUẬT

TÊN BÁO CÁO:

**XÂY DỰNG BỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM MÔN ĐƯỜNG LỐI
QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ÁP DỤNG TRONG GIẢNG DẠY TRỰC TUYẾN**

Người thực hiện: HOÀNG XUÂN TRƯỜNG

Hà Nội, 12/2020

I. LÝ DO CHỌN BÁO CÁO

Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, nhiệm vụ giáo dục quốc phòng toàn dân, trong đó giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) cho học sinh, sinh viên là một nội dung quan trọng. Việc phổ cập và tăng cường GDQP&AN là nhiệm vụ chung của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội cần được chỉ đạo, tổ chức thực hiện chặt chẽ, thống nhất từ Trung ương đến địa phương bằng các hình thức phù hợp với từng đối tượng, kết hợp giáo dục thường xuyên với giáo dục tập trung có trọng tâm, trọng điểm, chú trọng giáo dục lòng yêu nước, yêu chế độ XHCN, lịch sử truyền thống của Đảng và dân tộc, ý thức sống và làm việc theo pháp luật, trong đó xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN là trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi công dân. Trong bối cảnh hiện nay, công tác tổ chức hoạt động, quản lí, thực thi nhiệm vụ GDQP&AN cho sinh viên ở các cơ sở giáo dục đại học nói chung và Trường Đại học Mở - Địa chất nói riêng đã và đang chịu sự chi phối bởi các yếu tố nội tại về quan điểm, chiến lược phát triển giáo dục, sự lãnh đạo, chỉ đạo, cách thức tổ chức chương trình, nội dung, quản lí chất lượng và yếu tố bên ngoài tác động vào môi trường giáo dục.

Chấp hành Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 18 tháng 03 năm 2020 về ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học. Khoa đã kịp thời báo cáo với Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường; đồng thời chủ động phối hợp với cơ quan chỉ đạo cấp trên cùng các đơn vị bạn trong xây dựng kế hoạch, chuẩn bị giáo án bài giảng và xây dựng đề cương chi tiết môn học bảo đảm đúng, đủ nội dung chương trình và thời gian cho từng chuyên mục đúng như trong Thông tư đã hướng dẫn. Phân công cán bộ, giảng viên tham gia tập huấn do Bộ GD&ĐT tổ chức để lĩnh hội và tiếp thu những nội dung cơ bản cũng như những thay đổi của chương trình mới về báo cáo cấp ủy, chỉ huy khoa. Trên cơ sở những nội dung đã được tập huấn phổ biến rộng rãi trong toàn Khoa để từ đó áp dụng vào thực hiện nhiệm vụ giảng dạy cho K65 phấn đấu đạt hiệu quả cao nhất, chất lượng ngày càng đi lên. Nhưng trước tình hình dịch COVID-19 vẫn đang có nhiều diễn biến phức tạp trở lại, trường Đại học Mở - Địa chất nói chung và Khoa Giáo dục quốc phòng nói riêng đã chủ động phòng, chống dịch đồng thời vẫn phải đảm bảo các mục tiêu kế hoạch và chất lượng giảng dạy của nhà trường.

Thực tiễn quá trình giảng dạy môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh tại trường Đại học Mở - Địa chất bằng hình thức học tập trực tuyến thông qua phần mềm ứng dụng Microsoft team công tác giảng dạy mới đã được triển khai thực hiện

thống nhất, đồng bộ đến các lớp học, khóa học và ngày càng đi vào nề nếp, chất lượng từng bước được nâng lên. Tuy nhiên quá trình tổ chức thực hiện vẫn còn nổi lên một số bất cập, đặc biệt công tác bám nắm quản lý lớp học và chất lượng nắm bài của sinh viên còn rất nhiều hạn chế

Chính vì vậy, chúng ta cần phải có một bộ câu hỏi trắc nghiệm để khắc phục những hạn chế, thiếu sót trên để Giáo viên, giảng viên vừa làm tốt công tác quản lý lớp học đồng thời vừa nắm được chất lượng nắm bài của sinh viên trong từng bài học. Xuất phát từ những mục tiêu trên, tôi đề xuất nội dung học thuật "*Xây dựng bộ câu hỏi trắc nghiệm môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam áp dụng trong giảng dạy trực tuyến*" làm Báo cáo học thuật của Bộ môn năm học 2020 - 2021.

II. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

Đề xuất bộ câu hỏi trắc nghiệm môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam áp dụng trong giảng dạy trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng học tập cho sinh viên, trên cơ sở đó giúp cho giảng viên truyền thụ được đầy đủ, sâu sắc hơn về nội dung môn học cũng như làm tốt công tác quản lý sinh viên khi học tập trực tuyến.

III. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

Bộ câu hỏi trắc nghiệm môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam áp dụng trong giảng dạy trực tuyến.

IV. PHẠM VI NGHIÊN CỨU

- Giảng viên trong Khoa Giáo dục quốc phòng.
- Các chuyên đề trong học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Sinh viên K65 và sinh viên các khóa tiếp theo khi tham gia học trực tuyến môn học giáo dục quốc phòng thông qua phần mềm ứng dụng Microsoft team.

V. NỘI DUNG

Bài 2: Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, Quân đội và Bảo vệ tổ quốc.

Câu 1: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về chiến tranh:

- A. **Là một hiện tượng chính trị xã hội có tính lịch sử.**
- B. Là những cuộc xung đột tự phát ngẫu nhiên.
- C. Là những xung đột do những mâu thuẫn không mang tính xã hội.
- D. Là một hiện tượng xã hội mang tính vĩnh viễn.

Câu 2: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về nguồn gốc của chiến tranh:

- A. Chiến tranh bắt nguồn ngay từ khi xuất hiện xã hội loài người.
- B. **Chiến tranh bắt nguồn từ khi xuất hiện chế độ tư hữu, có giai cấp và nhà nước.**
- C. Chiến tranh bắt nguồn từ sự phát triển tất yếu khách quan của loài người.
- D. Chiến tranh bắt nguồn từ khi xuất hiện các hình thức tôn giáo.

Câu 3: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về bản chất của chiến tranh:

- A. Là tiếp tục mục tiêu kinh tế bằng thủ đoạn bạo lực.
- B. Là thủ đoạn để đạt được mục tiêu của một giai cấp.
- C. **Là sự tiếp tục của chính trị bằng thủ đoạn bạo lực.**
- D. Là thủ đoạn chính trị của một giai cấp.

Câu 4: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, chính trị là sự phản ánh tập trung của:

- A. **Kinh tế**
- B. Xã hội
- C. Quốc phòng
- D. An ninh

Câu 5: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về quan hệ giữa chiến tranh với chính trị:

- A. Chính trị là con đường, là phương tiện của chiến tranh.
- B. Chính trị là một thời đoạn, một bộ phận của chiến tranh.
- C. **Chính trị chi phối và quyết định toàn bộ tiến trình và kết cục của chiến tranh.**
- D. Chính trị không thể sử dụng kết quả sau chiến tranh để đề ra nhiệm vụ, mục tiêu.

Câu 6: Trong mối quan hệ giữa chiến tranh và chính trị thì chiến tranh là kết quả phản ánh:

- A. Những bản chất chính trị xã hội.
- B. Sức mạnh tổng hợp của quân đội.
- C. **Những cố gắng cao nhất của chính trị.**
- D. Những cố gắng cao nhất về kinh tế.

Câu 7: Hồ Chí Minh khẳng định mục đích của cuộc chiến tranh của nhân dân ta chống thực dân Pháp:

- A. Bảo vệ nhân dân, bảo vệ chế độ, bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
- B. Bảo vệ đất nước và chống ách đô hộ của thực dân, đế quốc.

C. Bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, của chế độ xã hội chủ nghĩa.

D. Bảo vệ độc lập chủ quyền và thống nhất đất nước.

Câu 8: Tư tưởng Hồ Chí Minh xác định thái độ đối với chiến tranh là:

A. Phản đối tất cả các cuộc chiến tranh.

B. Phản đối các cuộc chiến tranh chống áp bức, nô dịch.

C. Phản đối các cuộc chiến tranh sắc tộc tôn giáo.

D. Ủng hộ chiến tranh chính nghĩa, phản đối chiến tranh phi nghĩa.

Câu 9: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh nhất thiết phải sử dụng bạo lực cách mạng:

A. Để lật đổ xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

B. Để xây dựng chế độ mới.

C. Để dành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền.

D. Để lật đổ chế độ cũ.

Câu 10: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, bạo lực cách mạng được tạo bởi:

A. Sức mạnh của toàn dân, bằng cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang.

B. Sức mạnh của toàn dân, bằng cả tiềm lực chính trị và tiềm lực kinh tế.

C. Kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 11: Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp của Hồ Chí Minh:

A. Ngày 22/12/1944.

B. Ngày 23/11/1945.

C. Ngày 02/9/1945.

D. Ngày 19/12/1946.

Câu 12: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về bản chất giai cấp của quân đội phụ thuộc vào:

A. Bản chất của các nhà nước đã tổ chức ra quân đội đó.

B. Bản chất của các giai cấp và của nhà nước đã tổ chức ra quân đội đó.

C. Bản chất của các giai cấp công nông và của nhà nước đã tổ chức ra quân đội đó.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 13: Nguyên tắc quan trọng nhất về xây dựng quân đội kiểu mới của Lênin là:

A. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với quân đội.

B. Giữ vững quan điểm giai cấp trong xây dựng quân đội.

C. Tính kỉ luật quân đội cao là yếu tố quyết định sức mạnh của quân đội.

D. Quân đội chính quy, hiện đại, trung thành với giai cấp công nhân.

Câu 14: Lênin khẳng định yếu tố giữ vai trò quyết định đến sức mạnh chiến đấu của quân đội là:

A. Quân số, tổ chức, cơ cấu biên chế.

B. Chất lượng vũ khí, trang bị kỹ thuật.

C. **Chính trị tinh thần.**

D. Trình độ huấn luyện và thể lực.

Câu 15: Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định sự ra đời của Quân đội nhân dân Việt Nam là:

A. **Là một tất yếu có tính quy luật trong đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc ở Việt Nam.**

B. Là một hiện tượng ngẫu nhiên trong quá trình đấu tranh cách mạng của dân tộc Việt Nam.

C. Là một sự kế thừa trong lịch sử chống giặc ngoại xâm.

D. Là một hiện tượng tự phát do đòi hỏi của chiến tranh cách mạng.

Câu 16: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, quân đội nhân dân Việt Nam:

A. Mang bản chất của giai cấp nông dân.

B. Mang bản chất giai cấp công – nông.

C. **Mang bản chất giai cấp công nhân.**

D. Mang bản chất nhân dân lao động Việt Nam.

Câu 17: Quân đội nhân dân Việt Nam mang bản chất của giai cấp công nhân, đồng thời có:

A. Tính quần chúng, cách mạng sâu sắc.

B. Tính phong phú và đa dạng.

C. **Tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc.**

D. Tính phổ biến và rộng rãi.

Câu 18: Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định quân đội nhân dân Việt Nam có nhiệm vụ:

A. **Xây dựng quân đội ngày càng hùng mạnh và sẵn sàng chiến đấu.**

B. Xây dựng quân đội ngày càng hùng hậu và sẵn sàng chiến đấu.

C. Xây dựng quân đội ngày càng đông đảo và sẵn sàng chiến đấu.

D. Xây dựng quân đội có chất lượng cao và sẵn sàng chiến đấu.

Câu 19: Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định một trong hai nhiệm vụ chính của quân đội ta là:

A. Tiến hành phổ biến chính sách của Đảng, Nhà nước cho nhân dân.

B. Giúp nhân dân cải thiện đời sống vật chất, tinh thần.

C. **Thiết thực tham gia lao động sản xuất, góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội.**

D. Làm nòng cốt phát triển kinh tế tại nơi đóng quân.

Câu 20: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, quân đội nhân dân Việt Nam có những chức năng:

A. Chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu.

B. Chiến đấu, lao động sản xuất.

C. **Chiến đấu, công tác, lao động sản xuất.**

D. Chiến đấu tham gia giữ gìn hòa bình khu vực.

Câu 21: Quan điểm đầu tiên của chủ nghĩa Mác-Lênin về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa:

A. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ thường xuyên liên tục.

B. **Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là tất yếu khách quan.**

- C. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ cấp thiết trước mắt.
 D. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trọng yếu của toàn dân
- Câu 22: Bác Hồ nói với Đại đoàn quân tiên phong trong lần về thăm đền Hùng năm 1954:
- A. **Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước.**
 B. Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau bảo vệ đất nước.
 C. Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau xây dựng đất nước.
 D. Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau bảo vệ Tổ quốc.
- Câu 23: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là:
- A. Sự nghiệp đổi mới.
 B. Sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa.
 C. Bản sắc văn hóa dân tộc.
 D. **Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.**
- Câu 24: Tư tưởng Hồ Chí Minh về sức mạnh bảo vệ Tổ quốc:
- A. Là sức mạnh của cả dân tộc, kết hợp sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân.
 B. **Là sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, cả nước kết hợp với sức mạnh thời đại.**
 C. Là sức mạnh của toàn dân, lấy lực lượng vũ trang làm nòng cốt
 D. Là sức mạnh của lực lượng vũ trang nhân dân, sức mạnh quốc phòng toàn dân.
- Câu 25: Vai trò lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa thuộc về:
- A. Các đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội.
 B. Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.
 C. **Đảng Cộng sản Việt Nam.**
 D. Toàn bộ hệ thống chính trị ở Việt Nam.

Bài 3: Xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Câu 1: Đảng ta khẳng định vị trí của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân:
- A. Xây dựng kinh tế là chủ yếu, quốc phòng - an ninh là thứ yếu.
 B. Chỉ coi trọng quốc phòng - an ninh khi đất nước có chiến tranh.
 C. **Luôn luôn coi trọng quốc phòng, an ninh, coi đó là nhiệm vụ chiến lược gắn bó chặt chẽ.**
 D. Luôn luôn coi trọng quốc phòng, an ninh, coi đó là nền tảng để xây dựng đất nước.
- Câu 2: Đặc trưng đầu tiên của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân:
- A. Mang tính chất tự vệ do giai cấp công nhân tiến hành.
 B. **Chỉ có mục đích duy nhất là tự vệ chính đáng.**
 C. Vững mạnh toàn diện để tự vệ chính đáng.
 D. Được xây dựng hiện đại có sức mạnh tổng hợp.

Câu 3: Đặc trưng mang tính truyền thống của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân:

- A. **Nền quốc phòng, an ninh vì dân, của dân và do toàn thể nhân dân tiến hành.**
- B. Nền quốc phòng, an ninh mang tính giai cấp dân tộc sâu sắc.
- C. Nền quốc phòng, an ninh bảo vệ quyền lợi của dân.
- D. Nền quốc phòng, an ninh do nhân dân xây dựng mang tính chất nhân dân sâu sắc.

Câu 4: Sức mạnh của nền quốc phòng, an ninh nhân dân bao gồm:

- A. Sức mạnh do yếu tố chính trị, văn hóa, khoa học.
- B. Sức mạnh quốc phòng, an ninh hiện đại.
- C. Sức mạnh quân đội nhân dân, công an nhân dân.
- D. **Có sức mạnh tổng hợp do nhiều yếu tố tạo thành.**

Câu 5: Mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là:

- A. **Tạo sức mạnh tổng hợp và Tạo thế chủ động cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.**
- B. Tạo ra sức mạnh quân sự để ngăn chặn nguy cơ chiến tranh.
- C. Tạo ra tiềm lực kinh tế để phòng thủ đất nước.
- D. Tạo ra môi trường hòa bình để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Câu 6: Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân là:

- A. Xây dựng các cấp chính quyền ở cơ sở và lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh.
- B. **Xây dựng lực lượng quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.**
- C. Xây dựng lực lượng công an, quân đội vững mạnh.
- D. Xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh vững mạnh.

Câu 7: Hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay là:

- A. Xây dựng và phát triển kinh tế xã hội ngày càng vững mạnh.
- B. Xây dựng đất nước và phát triển kinh tế.
- C. **Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.**
- D. Xây dựng và phát triển kinh tế, quốc phòng, an ninh.

Câu 8: Lực lượng của nền Quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bao gồm:

- A. **Lực lượng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân.**
- B. Lực lượng quân đội nhân dân và công an nhân dân.
- C. Lực lượng toàn dân và dân quân tự vệ.
- D. Lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ.

Câu 9: Tiềm lực quốc phòng - an ninh là:

- A. Khả năng về của cải vật chất có thể huy động để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.
- B. **Khả năng về nhân lực, vật chất, tài chính có thể huy động được để thực**

hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

- C. Khả năng về tài chính có thể huy động phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.
- D. Khả năng về phương tiện kỹ thuật có thể huy động thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Câu 10: Tiềm lực quốc phòng, an ninh được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội nhưng tập trung ở:

- A. ***Tiềm lực chính trị, tinh thần; khoa học và công nghệ; kinh tế; quân sự, an ninh.***
- B. Tiềm lực chính trị, tinh thần; đối ngoại; khoa học và công nghệ.
- C. Tiềm lực công nghiệp quốc phòng, khoa học quân sự.
- D. Tiềm lực chính trị, tinh thần; văn hóa xã hội; kinh tế.

Câu 11: Tiềm lực chính trị tinh thần của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân:

- A. Là khả năng về chính trị tinh thần của xã hội để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng.
- B. Là khả năng về chính trị, ý chí, quyết tâm chiến đấu chống quân xâm lược của toàn dân.
- C. ***Là khả năng về chính trị, tinh thần có thể huy động tạo nên sức mạnh để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.***
- D. Là khả năng về chính trị, tinh thần của nhân dân được huy động để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng an ninh.

Câu 12: Nội dung xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân:

- A. Xây dựng tình yêu quê hương đất nước, niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước, đối với chế độ xã hội chủ nghĩa.
- B. Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.
- C. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; nâng cao cảnh giác cách mạng; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thực hiện tốt giáo dục quốc phòng, an ninh.
- D. ***Cả 3 nội dung trên.***

Câu 13: Tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân:

- A. Khả năng về tài chính và khoa học công nghệ để phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.
- B. Khả năng về trang bị kỹ thuật quân sự có thể huy động để phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.
- C. ***Khả năng về kinh tế của đất nước có thể khai thác, huy động nhằm phục vụ cho quốc phòng, an ninh.***
- D. Khả năng về tài chính để phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Câu 14: Nội dung xây dựng tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân:

- A. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng nền kinh tế độc

lập, tự chủ.

- B. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; phát triển công nghiệp quốc phòng, trang bị kỹ thuật hiện đại cho quân đội và công an.
- C. Kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế với cơ sở hạ tầng quốc phòng; không ngừng cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho các lực lượng vũ trang nhân dân. Có kế hoạch chuyển sản xuất từ thời bình sang thời chiến và duy trì sự phát triển của nền kinh tế.

D. Cả 3 nội dung trên.

Câu 15: Xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân:

- A. Tạo nên khả năng về vũ khí trang bị kỹ thuật để phòng thủ đất nước.
- B. Tạo nên khả năng về khoa học và công nghệ của quốc gia có thể khai thác, huy động để phục vụ cho quốc phòng, an ninh.**
- C. Tạo nên khả năng để huy động đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật phục vụ quốc phòng, an ninh.
- D. Tạo nên khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ vào quốc phòng an ninh.

Câu 16: Một trong những nội dung xây dựng tiềm lực quân sự an ninh:

- A. Xây dựng lực lượng quân đội vững mạnh toàn diện.
- B. Xây dựng lực lượng công an vững mạnh toàn diện.
- C. Xây dựng lực lượng thường trực, dân quân tự vệ vững mạnh.
- D. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh toàn diện.**

Câu 17: Thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là:

- A. Sự tổ chức, bố trí lực lượng, tiềm lực mọi mặt của đất nước và của toàn dân trên toàn bộ lãnh thổ.**
- B. Sự bố trí con người và vũ khí trang bị phù hợp trên toàn lãnh thổ.
- C. Sự bố trí thế trận sẵn sàng tác chiến trên một địa bàn chiến lược.
- D. Sự bố trí các đơn vị của lực lượng vũ trang trên toàn bộ lãnh thổ.

Câu 18: Một trong những nội dung xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là:

- A. Tổ chức phòng thủ dân sự, kết hợp xây dựng các khu vực hậu phương, vùng căn cứ vững chắc về mọi mặt.
- B. Tổ chức phòng thủ dân sự, kết hợp cải tạo địa hình với xây dựng hạ tầng và các công trình quốc phòng, an ninh.**
- C. Tổ chức phòng thủ dân sự, chủ động tiến công tiêu diệt địch trên tất cả các mặt trận.
- D. Tổ chức phòng thủ dân sự bảo đảm an toàn cho người và của cải vật chất.

Câu 19: Biện pháp chính nhằm xây dựng nhận thức về nền quốc phòng toàn dân, an

ninh nhân dân là:

- A. Thường xuyên giáo dục ý thức, trách nhiệm của công dân.
- B. Thường xuyên thực hiện giáo dục nghĩa vụ công dân.
- C. Thường xuyên thực hiện giáo dục quốc phòng và an ninh.**
- D. Thường xuyên phổ biến nhiệm vụ quốc phòng an ninh.

Câu 20: Nội dung thực hiện giáo dục quốc phòng và an ninh:

- A. Giáo dục về âm mưu, thủ đoạn của địch.
- B. Giáo dục về tình yêu quê hương, đất nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.
- C. Giáo dục đường lối, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh.
- D. Cả 3 nội dung trên.**

Bài 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Câu 1: Mục đích của chiến tranh nhân dân Việt Nam bảo vệ tổ quốc là:

- A. Bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa.
- B. Bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc.
- C. Bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- D. Tất cả đều đúng.**

Câu 2: Đối tượng tác chiến của chiến tranh nhân dân Việt Nam bảo vệ tổ quốc là:

- A. Chủ nghĩa đế quốc và các lực lượng ly khai dân tộc trên thế giới.
- B. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động có hành động phá hoại, xâm lược, lật đổ cách mạng.**
- C. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản cách mạng trên thế giới.
- D. Lực lượng khủng bố quốc tế và lực lượng phản động trong nước.

Câu 3: Âm mưu, thủ đoạn chủ yếu của kẻ thù khi xâm lược nước ta:

- A. Đánh nhanh, thắng nhanh.
- B. Lực lượng tham gia với quân số đông, vũ khí trang bị hiện đại.
- C. Sử dụng biện pháp chính trị, ngoại giao lừa bịp dư luận.
- D. Tất cả đều đúng.**

Câu 4: Khi tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta, địch có điểm yếu:

- A. Tiến hành một cuộc chiến tranh phi nghĩa, chắc chắn bị nhân loại phản đối.
- B. Phải tác chiến trong điều kiện địa hình thời tiết nước ta phức tạp.
- C. Phải đương đầu với Dân tộc ta có truyền thống yêu nước, chống xâm lược.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 5: Tính chất cơ bản chiến tranh nhân dân Việt Nam bảo vệ Tổ quốc là:

- A. Là cuộc chiến tranh toàn dân, lấy lực lượng vũ trang làm nòng cốt.
- B. Là cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, lấy lực lượng vũ trang ba thứ quân làm nòng cốt, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam.**
- C. Cuộc chiến tranh toàn diện lấy mặt trận quân sự làm yếu tố quyết định.
- D. Cuộc chiến tranh cách mạng chống các thế lực phản cách mạng.

Câu 6: Một trong những tính chất của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc là:

- A. Cuộc chiến tranh của giai cấp công nhân nhằm bảo vệ độc lập chủ quyền và lãnh thổ.
- B. Cuộc chiến tranh cách mạng nhằm bảo vệ biên giới quốc gia.
- C. Là cuộc chiến tranh chính nghĩa, tự vệ cách mạng, nhằm bảo vệ độc lập tự do của dân tộc, bảo vệ độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ nhân dân và mọi thành quả của cách mạng.**
- D. Cuộc chiến tranh tự vệ nhằm đánh thắng các thế lực xâm lược để bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ đất nước.

Câu 7: Tính chất hiện đại trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc được thể hiện:

- A. Sử dụng vũ khí trang bị hiện đại để tiến hành chiến tranh.
- B. Sử dụng vũ khí trang bị hiện đại để đánh bại kẻ thù có vũ khí hiện đại hơn.
- C. Hiện đại về vũ khí, trang bị, tri thức và nghệ thuật quân sự.**
- D. Kết hợp sử dụng vũ khí tương đối hiện đại với vũ khí hiện đại.

Câu 8: Đặc điểm về cường độ của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc:

- A. Diễn ra khấn trương, quyết liệt phức tạp ngay từ đầu và trong suốt quá trình chiến tranh.**
- B. Diễn ra khấn trương, quy mô lớn giai đoạn đầu của chiến tranh.
- C. Diễn ra trong bối cảnh quốc tế có những thuận lợi cho ta.
- D. Diễn ra với nhịp độ cao, cường độ lớn giai đoạn giữa của chiến tranh.

Câu 9: Đây là vị trí ý nghĩa của quan điểm "toàn dân đánh giặc" trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

- A. Điều kiện để mỗi người dân được tham gia đánh giặc giữ nước.
- B. Điều kiện để phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp trong cuộc chiến tranh.**
- C. Điều kiện để phát huy cao nhất yếu tố con người trong chiến tranh.
- D. Điều kiện để phát huy sức mạnh toàn dân.

Câu 10: Trong tiến hành chiến tranh toàn diện mặt trận đấu tranh nào là chủ yếu?

- A. Mặt trận kinh tế.
- B. Mặt trận quân sự.**
- C. Mặt trận ngoại giao.

D. Mặt trận chính trị.

Câu 11: Quan điểm của Đảng ta về chuẩn bị cho chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc:

- A. Chuẩn bị đầy đủ mọi mặt trên các vùng chiến lược của đất nước.
- B. Chuẩn bị con người, vũ khí trang bị cho chiến tranh.
- C. Chuẩn bị đầy đủ tiềm lực kinh tế, quân sự trên cả nước cũng như từng khu vực.
- D. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.**

Câu 12: Nội dung chủ yếu của chiến tranh của chiến tranh nhân dân:

- A. Tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân.
- B. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân.
- C. Phối hợp chặt chẽ chống quân địch tiến công từ bên ngoài vào và bạo loạn lật đổ từ bên trong.
- D. Tất cả đều đúng.**

Câu 13: Thế trận chiến tranh nhân dân:

- A. Sự tổ chức, bố trí lực lượng để tiến hành chiến tranh và hoạt động tác chiến.**
- B. Sự tổ chức, bố trí các đơn vị của lực lượng vũ trang nhân dân đánh giặc.
- C. Sự tổ chức, bố trí lực lượng phòng thủ đất nước.
- D. Sự tổ chức, bố trí các lực lượng chiến đấu trên chiến trường.

Câu 14: Trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, thế trận của chiến tranh được:

- A. Bố trí rộng trên cả nước, nhưng phải tập trung cho khu vực chủ yếu.
- B. Bố trí rộng trên cả nước, nhưng phải có trọng tâm trọng điểm.**
- C. Bố trí rộng trên cả nước, nhưng tập trung ở các vùng kinh tế trọng điểm.
- D. Bố trí rộng trên cả nước, nhưng tập trung ở các địa bàn trọng điểm.

Câu 15: Lực lượng chiến tranh nhân dân là:

- A. Các quân khu, quân đoàn chủ lực.
- B. Toàn dân, lấy lực lượng vũ trang ba thứ quân làm nòng cốt.**
- C. Lực lượng lục quân, hải quân, phòng không - không quân.
- D. Lực lượng quân đội nhân dân và công an nhân dân.

Câu 16: Lực lượng toàn dân trong tiến hành chiến tranh nhân dân được tổ chức chặt chẽ thành:

- A. Lực lượng quân đội nhân dân và công an nhân dân.
- B. Lực lượng quân đội nhân dân và dân quân tự vệ.
- C. Lực lượng quần chúng rộng rãi và lực lượng quân sự.**
- D. Lực lượng đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự.

Câu 17: Tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc phải phối hợp chặt chẽ giữa:

- A. Chống quân xâm lược từ bên ngoài vào với chống lực lượng khủng bố từ bên trong.
- B. Chống quân địch tấn công từ bên ngoài vào với bạo loạn lật đổ từ bên trong.**
- C. Chống bạo loạn lật đổ với trấn áp bọn phản động.

D. Chống bạo loạn lật đổ với các hoạt động phá hoại khác.

Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam

Câu 1: Lực lượng vũ trang nhân dân gồm các tổ chức:

- A. **Vũ trang và bán vũ trang.**
- B. Quốc phòng và an ninh.
- C. Quân sự và an ninh trật tự.
- D. An ninh trật tự và bán vũ trang.

Câu 2: Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam bao gồm:

- A. **Quân đội nhân dân, công an nhân dân, dân quân tự vệ.**
- B. Quân đội nhân dân, Dự bị động viên, dân quân tự vệ.
- C. Quân đội thường trực, dự bị động viên, dân quân tự vệ.
- D. Quân đội chủ lực, cảnh sát nhân dân, dân quân tự vệ.

Câu 3: Một trong những thuận lợi cơ bản trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân:

- A. Nhân dân ta có truyền thống yêu nước, đoàn kết, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.
- B. Nhân dân ta luôn yêu thương đùm bọc, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo quân đội.
- C. Nhân dân ta có truyền thống đánh giặc độc đáo, sáng tạo.
- D. **Nhân dân ta có tinh thần đoàn kết quốc tế, được quốc tế ủng hộ.**

Câu 4: Quan điểm, nguyên tắc cơ bản nhất trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là:

- A. **Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với lực lượng vũ trang nhân dân.**
- B. Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo, quản lý của Nhà nước đối với lực lượng vũ trang nhân dân.
- C. Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của các tổ chức chính trị trong lực lượng vũ trang.
- D. Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của các cơ quan chính trị trong lực lượng vũ trang.

Câu 5: Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo lực lượng vũ trang nhân dân theo nguyên tắc:

- A. Tuyệt đối, trực tiếp và toàn diện.
- B. **Tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt.**
- C. Tuyệt đối, toàn diện về mọi mặt.
- D. Toàn diện trên mọi lĩnh vực.

Câu 6: Quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới là:

- A. **Tự lực, tự cường trong xây dựng lực lượng vũ trang.**
- B. Tự lực cánh sinh, tăng cường đối ngoại.
- C. Phát huy nội lực, tranh thủ hợp tác kinh tế.

D. Tích cực hợp tác quốc tế về mọi mặt.

Câu 7: Quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới là:

- A. Lấy chất lượng làm chính, lấy công tác huấn luyện làm cơ sở.
- B. Lấy chất lượng là chính, lấy xây dựng chính trị làm cơ sở.**
- C. Lấy chất lượng huấn luyện là chính, coi trọng xây dựng chính trị.
- D. Lấy chất lượng là trọng tâm, lấy xây dựng chính trị làm trọng điểm.

Câu 8: Một trong những nội dung xây dựng về chính trị lực lượng vũ trang nhân dân là:

- A. Chăm lo xây dựng củng cố các tổ chức chính trị trong lực lượng vũ trang nhân dân.**
- B. Chăm lo xây dựng củng cố các tổ chức chỉ huy trong lực lượng vũ trang nhân dân.
- C. Đẩy mạnh hoạt động phòng chống "Diễn biến hòa bình" trong lực lượng vũ trang.
- D. Đổi mới công tác đào tạo sỹ quan trong nhà trường.

Câu 9: Nội dung quan trọng nhất trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân về chính trị là:

- A. Phát triển số lượng Đảng viên trong lực lượng vũ trang nhân dân.
- B. Xây dựng đội ngũ cán bộ chỉ huy trong lực lượng vũ trang nhân dân.
- C. Giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.
- D. Giữ vững nguyên tắc Đảng lãnh đạo trong lực lượng vũ trang nhân dân.**

Câu 10: Bảo đảm lực lượng vũ trang nhân dân luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi phản ánh:

- A. Chức năng, nhiệm vụ chiến lược cơ bản, thường xuyên của lực lượng vũ trang nhân dân.
- B. Chức năng, nhiệm vụ chủ yếu cơ bản, thường xuyên của lực lượng vũ trang nhân dân.**
- C. Quy luật của dân tộc Việt Nam trong lịch sử dựng nước và giữ nước.
- D. Quy luật của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Câu 11: Phương hướng xây dựng lực lượng dự bị động viên:

- A. Hùng hậu về số lượng, có chất lượng cao, sẵn sàng động viên nhanh chóng khi cần thiết.
- B. Hùng hậu, được huấn luyện và quản lý tốt, bảo đảm khi cần thiết có thể động viên nhanh theo kế hoạch.**
- C. Luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi.
- D. Luôn sẵn sàng phối hợp với lực lượng thường trực và dân quân tự vệ.

Câu 12: Phương hướng xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ:

- A. Vững mạnh, rộng khắp, lấy chất lượng là chính.**
- B. Vững mạnh, rộng khắp, lấy chất lượng chính trị là chính.

C. Toàn diện, rộng khắp, lấy chất lượng là chính.

D. Rộng khắp nhưng có trọng tâm trọng điểm.

Câu 13: Vấn đề cơ bản hàng đầu trong nhiệm vụ xây dựng quân đội, công an của Đảng trong mọi giai đoạn cách mạng là:

A. **Xây dựng quân đội, công an cách mạng.**

B. Xây dựng quân đội, công an tinh nhuệ.

C. Xây dựng quân đội, công an chính quy.

D. Xây dựng quân đội, công an hiện đại.

Câu 14: Xây dựng quân đội nhân dân, công an nhân dân chính quy là:

A. **Thực hiện thống nhất về mọi mặt (tổ chức, biên chế, trang bị).**

B. Thực hiện thống nhất về chính trị, quân sự, hậu cần.

C. Thực hiện thống nhất về nhận thức, chính trị, tư tưởng.

D. Thực hiện thống nhất về chính trị, mục tiêu, chiến đấu.

Câu 15: Xây dựng quân đội nhân dân, công an nhân dân tinh nhuệ trên các lĩnh vực:

A. Chính trị, kỹ thuật, nghiệp vụ.

B. Chính trị, quân sự, hậu cần.

C. Chính trị, quân sự, kỹ thuật.

D. **Chính trị, tổ chức, kỹ chiến thuật.**

Câu 16: Một trong những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là:

A. Nâng cao kết quả huấn luyện quân sự, giáo dục, đẩy mạnh đối ngoại.

B. Nâng cao kết quả giáo dục chính trị, tư tưởng, phát triển cách đánh.

C. Nâng cao chất lượng huấn luyện, giáo dục, xây dựng và phát triển khoa học công nghệ quốc phòng.

D. **Nâng cao chất lượng huấn luyện, giáo dục, xây dựng và phát triển khoa học quân sự, khoa học công an.**

Câu 17: Một trong những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là:

A. Từng bước giải quyết đầy đủ các yêu cầu của lực lượng vũ trang nhân dân.

B. Từng bước giải quyết yêu cầu về tổ chức, biên chế cho lực lượng vũ trang nhân dân.

C. **Từng bước giải quyết yêu cầu về vũ khí, trang bị kỹ thuật của các lực lượng vũ trang nhân dân.**

D. Từng bước đổi mới bổ sung đầy đủ vũ khí hiện đại cho lực lượng vũ trang nhân dân.

Câu 18: Một trong những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là:

A. **Xây dựng đội ngũ cán bộ lực lượng vũ trang nhân dân có phẩm chất, năng lực tốt.**

B. Xây dựng đội ngũ cán bộ lực lượng vũ trang nhân dân có phẩm chất tốt, số lượng đông.

C. Xây dựng đội ngũ cán bộ lực lượng vũ trang nhân dân có số lượng đông, năng

lực tốt.

- D. Xây dựng đội ngũ cán bộ lực lượng vũ trang nhân dân có số lượng đủ, phẩm chất tốt.

Bài 6: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh.

Câu 1: Cơ sở lý luận của việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh:

- A. Quốc phòng, an ninh tạo ra cơ sở vật chất để xây dựng kinh tế.
- B. Quốc phòng, an ninh tạo ra những biến động kích thích kinh tế phát triển.
- C. Quốc phòng, an ninh và kinh tế có quan hệ, tác động qua lại lẫn nhau.**
- D. Quốc phòng, an ninh lệ thuộc hoàn toàn vào kinh tế.

Câu 2: Cơ sở lý luận của việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh:

- A. Kinh tế quyết định toàn bộ sức mạnh của quốc phòng, an ninh.
- B. Kinh tế quyết định việc bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực cho quốc phòng, an ninh.
- C. Kinh tế quyết định đến nguồn gốc ra đời, sức mạnh của quốc phòng, an ninh.**
- D. Kinh tế quyết định việc cung cấp kỹ thuật, công nghệ cho quốc phòng, an ninh.

Câu 3: Trong mỗi quan hệ giữa kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh thì:

- A. Kinh tế quyết định đến bản chất của quốc phòng, an ninh.
- B. Kinh tế quyết định đến tổ chức biên chế của lực lượng vũ trang.
- C. Kinh tế quyết định việc cung cấp vật chất, kỹ thuật, nhân lực cho hoạt động quốc phòng, an ninh.
- D. Tất cả các ý trên.**

Câu 4: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh được xác định là:

- A. Một quy luật khách quan.
- B. Một tất yếu khách quan.**
- C. Một chiến lược trọng yếu.
- D. Một nhiệm vụ chiến lược.

Câu 5: Kế sách "động vi binh, tĩnh vi dân" của ông cha ta có ý nghĩa là:

- A. Khi đất nước hòa bình, làm người lính sẵn sàng chiến đấu.
- B. Khi đất nước chiến tranh, làm người dân phát triển kinh tế.
- C. Khi đất nước có chiến tranh hoặc bình yên đều phải làm người dân phát triển kinh tế.
- D. Khi đất nước có chiến tranh thì làm người lính, đất nước bình yên thì làm người dân xây dựng kinh tế.**

Câu 6: Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Đảng ta đề ra chủ trương:

- A. Vừa kháng chiến, vừa xây dựng kinh tế.
- B. Vừa kháng chiến, vừa kiến quốc.**
- C. Vừa kháng chiến, vừa tăng gia sản xuất.
- D. Vừa tăng gia sản xuất, vừa thực hành tiết kiệm.

Câu 7: Một trong những nội dung cơ bản của việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh là:

- A. Kết hợp trong chiến lược phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- B. Kết hợp trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực để hiện đại hóa đất nước.
- C. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế xã hội.**
- D. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển về khoa học công nghệ.

Câu 8: Một trong những nội dung cơ bản của việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ:

- A. Kết hợp xây dựng các cơ sở, kinh tế vững mạnh toàn diện, rộng khắp với xây dựng các căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu cần, kỹ thuật và hậu phương vững chắc.**
- B. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, xã hội với xây dựng lực lượng vũ trang.
- C. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp quốc phòng với xây dựng các thể trận phòng thủ.
- D. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, xã hội với xây dựng các tổ chức chính trị, đoàn thể.

Câu 9: Một trong những nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh đối với các vùng kinh tế trọng điểm:

- A. Phải kết hợp chặt chẽ trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế với hạ tầng của nền quốc phòng toàn dân.**
- B. Phát triển kinh tế phải đáp ứng phục vụ nhu cầu dân sinh và nhu cầu dự trữ quốc gia.
- C. Phát triển kinh tế phải đáp ứng phục vụ yêu cầu phòng thủ ở từng tỉnh, thành phố.
- D. Phát triển kinh tế phải đáp ứng phục vụ thỏa mãn đầy đủ nhu cầu của nhân dân.

Câu 10: Một trong những nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh ở vùng núi, biên giới:

- A. Phải quan tâm xây dựng các tổ chức chính trị xã hội và lực lượng dân quân tự vệ thường trực.
- B. Phải quan tâm đầu tư phát triển kinh tế củng cố quốc phòng, an ninh ở các vùng cửa khẩu, các vùng giáp biên giới với các nước.**
- C. Phải quan tâm chăm lo xây dựng các tuyến biên giới giàu về kinh tế, ổn định về an ninh.
- D. Phải kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế xã hội với xây dựng lực lượng vũ trang.

Câu 11: Một trong những nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh ở biển đảo:

- A. **Có cơ chế chính sách thỏa đáng để động viên khích lệ dân ra đảo bám trụ làm ăn lâu dài.**
- B. Có cơ chế chính sách thỏa đáng để động viên ngư dân đầu tư tàu thuyền đánh bắt xa bờ.
- C. Có cơ chế chính sách thỏa đáng để động viên ngư dân thành lập các tổ an ninh trên biển.
- D. Có cơ chế chính sách thỏa đáng để ngư dân tham gia xây dựng các trận địa phòng thủ.

Câu 12: Một trong những nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh trong công nghiệp:

- A. Kết hợp ngay từ khâu quy hoạch, xây dựng các khu công nghiệp, khu chế xuất.
- B. Kết hợp ngay chiến lược đào tạo nhân lực của ngành công nghiệp.
- C. Kết hợp ngay trong ý đồ bố trí mạng lưới công nghiệp quốc phòng.
- D. **Kết hợp ngay từ khâu quy hoạch, bố trí các đơn vị kinh tế của ngành công nghiệp.**

Câu 13: Một trong những nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh trong nông, lâm, ngư nghiệp:

- A. Đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo gắn với công tác luân chuyển dân cư, xây dựng cơ sở chính trị.
- B. Đẩy mạnh khai thác lâm sản, phát triển hệ thống giao thông, xây dựng các đoàn thể.
- C. **Đẩy mạnh phát triển trồng rừng gắn với công tác định canh, định cư xây dựng các cơ sở chính trị vững chắc.**
- D. Đẩy mạnh khai thác, trồng rừng gắn với công tác định canh, định cư xây dựng các tổ chức xã hội.

Câu 14: Một trong những nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh trong giao thông vận tải:

- A. Xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới giao thông cho thời bình.
- B. Xây dựng kế hoạch động viên giao thông cho thời bình và thời chiến.
- C. **Xây dựng kế hoạch động viên giao thông vận tải cho thời chiến.**
- D. Xây dựng kế hoạch động viên từng giai đoạn.

Câu 15: Một trong những nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh trong xây dựng cơ bản:

- A. Công trình trọng điểm phải tính đến yếu tố tự bảo vệ và chuyển hóa phục vụ cho quốc phòng, an ninh.
- B. **Công trình nào, ở đâu đều phải tính đến yếu tố tự bảo vệ và chuyển hóa phục vụ cho quốc phòng, an ninh.**

C. Các công trình ở vùng núi, biên giới phải tính đến yếu tố tự bảo vệ và phục vụ cho quốc phòng, an ninh.

D. Công trình trọng điểm, ở vùng kinh tế trọng điểm phải tính đến yếu tố tự bảo vệ.

Câu 16: Một trong những nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh trong khoa học, công nghệ và giáo dục là:

A. coi trọng giáo dục, bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài của đất nước.

B. Thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục quốc phòng, an ninh cho các đối tượng.

C. coi trọng đầu tư phát triển khoa học công nghệ quân sự.

D. Cả đáp án A và B.

Câu 17: Một trong những nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh trong y tế:

A. Xây dựng mô hình quân, dân y kết hợp trên các địa bàn, đặc biệt là ở miền núi, biên giới, hải đảo.

B. Xây dựng mô hình quân, dân y kết hợp trên các địa bàn, đặc biệt là ở các vùng kinh tế trọng điểm.

C. Xây dựng mô hình quân, dân y kết hợp trên các địa bàn, đặc biệt là ở các thành phố.

D. Xây dựng mô hình quân, dân y kết hợp trên các địa bàn, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa.

Câu 18: Một trong những nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc:

A. Tổ chức biên chế lực lượng vũ trang phải phù hợp với điều kiện kinh tế và nhu cầu phòng thủ đất nước.

B. Tổ chức biên chế lực lượng vũ trang phải phù hợp với điều kiện kinh tế và dân cư trên từng địa bàn.

C. Tổ chức biên chế lực lượng vũ trang phải phù hợp với khả năng kinh tế của địa phương.

D. Tổ chức biên chế lực lượng vũ trang phải phù hợp với dân số của đất nước.

Câu 19: Giải pháp để thực hiện phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng - an ninh phải tăng cường:

A. Sự lãnh đạo của Nhà nước, quản lý của Đảng trong thực hiện nhiệm vụ.

B. Sự giám sát của quần chúng nhân dân và điều hành của cơ quan chuyên môn.

C. Sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý Nhà nước của chính quyền các cấp.

D. Sự điều hành quản lý của Nhà nước, giám sát của nhân dân.

Câu 20: Đối tượng bồi dưỡng kiến thức kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh cần tập trung vào:

A. Học sinh, sinh viên các trường cao đẳng, đại học.

- B. Đội ngũ cán bộ các cấp từ xã, phường, thị trấn.
- C. *Đội ngũ cán bộ chủ trì các cấp bộ, ngành, đoàn thể từ trung ương đến cơ sở.***
- D. Đội ngũ cán bộ của các bộ, các ngành từ trung ương đến cơ sở.

Bài 7: Nghệ thuật quân sự Việt Nam

Câu 1: Cuộc kháng chiến chống quân Tống lần thứ 2 do ai lãnh đạo và vào giai đoạn nào?

- A. Đinh Tiên Hoàng, giai đoạn 981 – 1012.
- B. Ngô Quyền, giai đoạn 938 – 981.
- C. Lê Hoàn, giai đoạn 981 – 1012.
- D. *Lý Thường Kiệt, giai đoạn 1075 – 1077***

Câu 2: Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ nhất vào năm nào và nhà Trần đã đánh bại bao nhiêu vạn quân Nguyên?

- A. *Năm 1258; 3 vạn quân***
- B. Năm 1225; 30 vạn quân
- C. Năm 1285; 50 vạn quân
- D. Năm 1252; 60 vạn quân

Câu 3: Vì sao nước ta thường bị các thế lực ngoại xâm nhòm ngó, đe dọa và tiến công xâm lược?

- A. *Việt Nam có vị trí chiến lược quan trọng ở khu vực Đông Nam Á và biển Đông***
- B. Việt Nam có dân số ít và có rất nhiều tài nguyên khoáng sản
- C. Việt Nam có rừng vàng, biển bạc
- D. Việt Nam là một thị trường tiềm năng

Câu 4: Đâu là một trong những nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta?

- A. Lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu thắng mạnh
- B. Lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít thắng nhiều, lấy yếu thắng mạnh
- C. *Lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh***
- D. Lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít thắng nhiều, lấy yếu chống mạnh

Câu 5: Nguyên nhân nào làm cho cuộc kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ thất bại?

- A. Nhà Hồ tích cực chủ động tiến công quá mức
- B. Nhà Hồ đã tích cực tiến công nhưng quân Minh quá mạnh
- C. *Nhà Hồ đã quá thiên về phòng thủ, dẫn đến sai lầm trong chỉ đạo chiến lược.***
- D. Nhà Hồ đã không đề phòng, phòng thủ, không phản công

Câu 6: Lý Thường Kiệt lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược nước ta lần thứ hai thời gian nào?

- A. Năm 981 – 983
- B. Năm 1070 – 1075
- C. *Năm 1075 – 1077***

D. Năm 1076 – 1077

Câu 7: Cuộc kháng chiến chống quân Tống lần thứ nhất do ai lãnh đạo và thời gian nào?

A. Ngô Quyền, năm 981

B. Đinh Tiên Hoàng, năm 981

C. Lê Hoàn, năm 981

D. Lý Thường Kiệt, năm 938

Câu 8: Một trong những nội dung nghệ thuật đánh giặc của tổ tiên ta thể hiện tính mềm dẻo, khôn khéo là:

A. Nghệ thuật phát huy sức mạnh của lĩnh vực hoạt động quân sự, chính trị

B. Nghệ thuật đấu tranh quân sự đóng vai trò quyết định

C. Nghệ thuật kết hợp đấu tranh giữa các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao, binh vận

D. Nghệ thuật phát huy sức mạnh hoạt động quân sự, chính trị

Câu 9: Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng vào năm nào?

A. Năm 40 trước công nguyên

B. Năm 140 sau công nguyên

C. Năm 248 sau công nguyên

D. Năm 40 sau công nguyên

Câu 10: Ba lần kháng chiến chống quân Mông - Nguyên xâm lược nước ta của nhà Trần vào các năm:

A. 1258, 1285 và 1287 đến 1289

B. 1258, 1284 và 1287 đến 1288

C. 1258, 1286 và 1287 đến 1288

D. 1258, 1285 và 1287 đến 1288

Câu 11: Kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ 3 vào giai đoạn nào và nhà Trần đã đánh bại bao nhiêu vạn quân Nguyên?

A. Giai đoạn 1287 - 1288; 50 vạn quân

B. Giai đoạn 1287 - 1288; 60 vạn quân

C. Giai đoạn 1287 - 1289; 40 vạn quân

D. Giai đoạn 1286 - 1287; 30 vạn quân

Câu 12: Nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh là sản phẩm của:

A. Lấy kẻ thắng lực

B. Lấy thế thắng lực

C. Lấy mưu thắng lực

D. Lấy ý chí thắng lực

Câu 13: Tư tưởng chỉ đạo tác chiến trong tiến hành chiến tranh của ông cha ta là:

A. Tích cực chủ động phòng thủ

B. Tích cực chủ động tiến công

C. Kết hợp giữa tiến công và phòng ngự

D. Kết hợp giữa phòng ngự và tiến công

Câu 14: Kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ 2 vào năm nào và nhà Trần đã đánh bại bao nhiêu vạn quân Nguyên?

A. Năm 1225, 3 vạn quân

B. Năm 1285, 30 vạn quân

C. Năm 1285, 60 vạn quân

D. Năm 1258, 40 vạn quân

Câu 15: Lý Thường Kiệt sử dụng biện pháp "Tiên phát chế nhân" nghĩa là:

A. Chuẩn bị chu đáo, chặn đánh địch từ khi mới xâm lược.

B. Chuẩn bị thế trận phòng thủ, chống địch làm địch bị động.

C. Chuẩn bị đầy đủ vũ khí trang bị để giành thế chủ động đánh địch.

D. Chủ động tiến công trước để đẩy kẻ thù vào thế bị động.

Câu 16: Thời kỳ Bắc thuộc hơn 1000 năm được tính từ:

A. Năm 179 trước Công nguyên đến năm 983

B. Năm 184 trước Công nguyên đến năm 938

C. Năm 197 trước Công nguyên đến năm 893

D. Năm 179 trước Công nguyên đến năm 938

Câu 17: Khởi nghĩa Lam Sơn diễn ra trong khoảng thời gian nào?

A. 1418 – 1420

B. 1417 – 1428

C. 1418 – 1427

D. 1416 – 1428

Câu 18: Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông thời Trần, đã thực hiện kế sách đánh giặc như thế nào?

A. Khôn khéo, mềm dẻo, linh hoạt

B. Tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu, nơi hiểm yếu của kẻ thù

C. Tiến công liên tục vào hậu phương địch

D. Phân tán lực lượng, tránh thế mạnh, đánh vào sau lưng địch

Câu 19: Những nội dung chủ yếu về nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta là: 1/ Tư tưởng chỉ đạo tác chiến. 2/ Nghệ thuật lấy đoản binh thắng trường trận. 3/ Nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh. 4/ Tư tưởng chỉ đạo kháng chiến trường kỳ.

A. Nội dung 1 và 4 đều đúng

B. Nội dung 2 và 4 đều đúng

C. Nội dung 1 và 3 đều đúng

D. Nội dung 3 và 4 đều đúng

Câu 20: Những yếu tố nào tác động đến việc hình thành nghệ thuật đánh giặc của tổ tiên ta?

A. Kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội

B. Địa lý, kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội

C. Địa lý, kinh tế, sáng tạo, ý chí quật cường

D. Kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, sáng tạo, ý chí quật cường

Câu 21: Chiến dịch nào sau đây là chiến dịch tiến công:

A. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954

B. Chiến dịch Việt Bắc năm 1947

C. Chiến dịch Quảng Trị năm 1972

D. Chiến dịch phòng không Hà Nội năm 1972

Câu 22: Một trong những cơ sở hình thành nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo:

A. Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh

B. Từ nghệ thuật quân sự của các nước

C. Từ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về đấu tranh giai cấp

D. Từ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về đấu tranh dân tộc

Câu 23: Sau cách mạng tháng Tám chúng ta xác định kẻ thù "nguy hiểm, trực tiếp" của cách mạng là những đối tượng nào?

A. Thực dân Pháp là kẻ thù trực tiếp nguy hiểm của Cách mạng Việt Nam

B. Thực dân Pháp, phát xít Nhật là kẻ thù trực tiếp nguy hiểm của Cách mạng Việt Nam

C. Thực dân Pháp, phát xít Nhật, quân Tưởng là kẻ thù trực tiếp nguy hiểm của Cách mạng Việt Nam

D. Thực dân Pháp, quân Tàu Tưởng là kẻ thù trực tiếp nguy hiểm của Cách mạng Việt Nam

Câu 24: Một trong những nội dung của chiến lược quân sự từ khi có Đảng lãnh đạo là:

A. Xác định đúng kẻ thù, đúng đối tượng tác chiến

B. Xây dựng tinh thần yêu nước, ý chí quật cường cho toàn dân tộc

C. Phát huy sức mạnh dân tộc và thời đại trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc

D. Thực hiện tốt chiến tranh nhân dân trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc

Câu 25: Trận đánh Điện Biên Phủ đi vào lịch sử quân sự thế giới thuộc loại hình nghệ thuật nào?

A. Chiến đấu tiến công

B. Chiến dịch tiến công

C. Chiến dịch phòng ngự và tiến công

D. Chiến dịch phản công

Bài 8: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng.

Câu 1: Lực lượng tự vệ được tổ chức ở:

- A. Ở xã, phường, thị trấn
- B. Ở cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị.
- C. Tổ chức chính trị xã hội, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế.
- D. Cả B và C**

Câu 2: Vị trí, vai trò của lực lượng dân quân tự vệ:

- A. Dân quân tự vệ là lực lượng cơ bản trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân.
- B. Dân quân tự vệ là một lực lượng chiến lược trong chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân.**
- C. Dân quân tự vệ là lực lượng xung kích trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân.
- D. Dân quân tự vệ là lực lượng xung kích trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

Câu 3: Nhiệm vụ của lực lượng Dân quân tự vệ:

- A. Học tập chính trị và huấn luyện quân sự.
- B. Học tập chính trị, pháp luật, huấn luyện quân sự và diễn tập.
- C. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.
- D. Cả B và C**

Câu 4: Phương châm xây dựng lực lượng dân quân tự vệ:

- A. Vững mạnh, rộng khắp, coi trọng chất lượng là chính.**
- B. Vững mạnh, toàn diện lấy chất lượng chính trị là chính.
- C. Vững mạnh, coi trọng cả số lượng và chất lượng.
- D. Vững mạnh về mọi mặt, lấy chính trị làm cơ sở.

Câu 5: Dân quân tự vệ được tổ chức thành 2 lực lượng là:

- A. Lực lượng cơ động và lực lượng rộng rãi.
- B. Lực lượng nòng cốt và lực lượng rộng rãi.**
- C. Lực lượng quân sự và lực lượng chính trị.
- D. Lực lượng cơ động và lực lượng dự bị.

Câu 6: Nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ cơ động:

- A. Trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu.
- B. Cơ động chiến đấu, chiến đấu tại chỗ.
- C. Chiến đấu, chi viện cho lực lượng quân đội và công an khi cần.
- D. Chiến đấu, chi viện cho lực lượng chiến đấu tại chỗ và địa phương khác khi cần.**

Câu 7: Khi hết thời gian phục vụ trong lực lượng dân quân tự vệ nòng cốt thì có thể

tham gia:

A. Lực lượng dân quân tự vệ cơ động.

B. Lực lượng dân quân tự vệ tại chỗ.

C. Lực lượng dân quân tự vệ rộng rãi.

D. Lực lượng dân quân tự vệ thường trực.

Câu 8: Độ tuổi của công dân Việt Nam tham gia lực lượng dân quân tự vệ:

A. Nam từ đủ 18 tuổi đến hết 30 tuổi; nữ từ đủ 18 tuổi đến hết 35 tuổi.

B. Nam từ đủ 18 tuổi đến hết 35 tuổi; nữ từ đủ 18 tuổi đến hết 35 tuổi.

C. Nam từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi; nữ từ đủ 18 tuổi đến hết 35 tuổi.

D. Nam từ đủ 18 tuổi đến hết 45 tuổi; nữ từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi.

Câu 9: Tiểu đội trưởng, trung đội trưởng dân quân tự vệ do ai bổ nhiệm:

A. Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự xã (phường) bổ nhiệm.

B. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (phường) bổ nhiệm.

C. Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự quận (huyện) bổ nhiệm.

D. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận (huyện) bổ nhiệm.

Câu 10: Trong Ban chỉ huy quân sự xã (phường), chính trị viên do ai đảm nhiệm:

A. Bí thư chi bộ hoặc Bí thư Đảng ủy đảm nhiệm.

B. Phó Bí thư, chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (phường) đảm nhiệm.

C. Ủy viên thường vụ Đảng ủy đảm nhiệm.

D. Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân đảm nhiệm.

Câu 11: Biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay:

A. Phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, các lực lượng.

B. Phát huy sức mạnh tổng hợp của chính quyền địa phương.

C. Phát huy sức mạnh tổng hợp trên địa bàn.

D. Phát huy sức mạnh tổng hợp của nhân dân trên địa bàn.

Câu 12: Lực lượng dự bị động viên bao gồm:

A. Quân nhân thường trực và phương tiện kỹ thuật.

B. Quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật.

C. Quân nhân chuyên nghiệp và nhân viên kỹ thuật.

D. Sĩ quan và hạ sĩ quan quân đội, công an.

Câu 13: Công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên có vị trí vai trò:

A. Rất quan trọng trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

B. Quan trọng trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

C. Trọng tâm trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

D. Cấp bách trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Câu 14: Quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên:

A. Bảo đảm số lượng, chất lượng cao, rộng khắp, sẵn sàng chiến đấu.

- B. Bảo đảm toàn diện nhưng có trọng tâm trọng điểm, tập trung nâng cao chất lượng.
- C. Bảo đảm số lượng đủ, chất lượng cao, xây dựng toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng điểm.**
- D. Bảo đảm số lượng đông, chất lượng cao cho những đơn vị làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu.

Câu 15: Quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên là phải:

- A. Phát huy sức mạnh của toàn dân trên tất cả các lĩnh vực hoạt động xã hội.
- B. Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng mạnh, sẵn sàng chiến đấu.
- C. Phát huy sức mạnh của bộ, ngành và địa phương.
- D. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị.**

Câu 16: Quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên:

- A. Đặt dưới sự lãnh đạo của Bộ Quốc phòng và Ủy ban nhân dân các địa phương.
- B. Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng các cấp ở địa phương, bộ, ngành.**
- C. Đặt dưới sự lãnh đạo của các tổ chức chính trị xã hội.
- D. Đặt dưới sự lãnh đạo của Ủy ban nhân dân các cấp.

Câu 17: Xây dựng lực lượng Dự bị động viên đặt dưới sự lãnh đạo:

- A. Tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng.**
- B. Tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Nhà nước.
- C. Tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Bộ quốc phòng.
- D. Toàn diện về mọi mặt của các tổ chức xã hội.

Câu 18: Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên:

- A. Tạo nguồn, đăng kí, quản lí lực lượng dự bị động viên**
- B. Tạo nguồn, đăng kí, biên chế lực lượng dự bị động viên.
- C. Tạo nguồn, đăng kí, tổ chức lực lượng dự bị động viên
- D. Tạo nguồn, đăng kí, kiểm tra lực lượng dự bị động viên

Câu 19: Nguyên tắc sắp xếp quân nhân dự bị vào các đơn vị dự bị động viên là:

- A. Theo mức độ sức khỏe, theo tuổi đời và theo cư trú.
- B. Theo trình độ chuyên môn, theo hạng, theo cư trú.**
- C. Theo quân hàm, theo chức vụ và chuyên môn.
- D. Theo hạng và theo trình độ văn hóa.

Câu 20: Phương châm huấn luyện đối với lực lượng dự bị động viên:

- A. Chất lượng, thiết thực, hiệu quả, tập trung vào khoa học quân sự hiện đại.
- B. Cơ bản, thống nhất, coi trọng khâu kỹ thuật tác chiến, phối hợp giữa các lực lượng.
- C. Chất lượng, thiết thực, hiệu quả sát thực tế chiến đấu tại địa bàn.
- D. Chất lượng, thiết thực, hiệu quả, tập trung có trọng tâm, trọng điểm.**

Câu 21: Xây dựng lực lượng dự bị động viên là nhiệm vụ chính trị thường xuyên của:

- A. Nhà nước, Ủy ban nhân dân các cấp.

- B. Cấp ủy, chính quyền địa phương.
- C. Cán bộ, ngành, đoàn thể từ trung ương đến địa phương.
- D. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cả hệ thống chính trị.**

Câu 22: Động viên công nghiệp quốc phòng được chuẩn bị:

- A. Từ thời bình.**
- B. Khi bắt đầu chiến tranh.
- C. Trong quá trình chiến tranh.
- D. Kết thúc chiến tranh.

Câu 23: Động viên công nghiệp quốc phòng có áp dụng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam hay không?

- A. Có.
- B. Không.**
- C. Tùy tình hình cụ thể.
- D. Có thể động viên một phần hoặc toàn bộ.

Câu 24: Quyết định và thông báo quyết định động viên công nghiệp quốc phòng do:

- A. Chủ tịch Quốc hội quy định.
- B. Chủ tịch nước quy định.
- C. Bộ trưởng Bộ quốc phòng quy định.
- D. Chính phủ quy định.**

Bài 9: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia.

Câu 1: Các yếu tố cấu thành quốc gia:

- A. Lãnh thổ, dân cư và nhà nước.
- B. Lãnh thổ, dân cư và chế độ chính trị.
- C. Lãnh thổ, dân cư và quyền lực công cộng.**
- D. Lãnh thổ, dân cư và hệ thống chính trị.

Câu 2: Lãnh thổ quốc gia là:

- A. Phạm vi không gian bao gồm vùng đất, vùng biển, vùng trời của quốc gia.
- B. Phạm vi không gian bao gồm vùng đất, các đảo, vùng biển, vùng trời của quốc gia.
- C. Phạm vi không gian được giới hạn bởi biên giới quốc gia, thuộc chủ quyền hoàn toàn và đầy đủ của một quốc gia.**
- D. Phạm vi không gian bao gồm vùng đất, vùng biển, vùng trời, các đảo và quần đảo của quốc gia.

Câu 3: Lãnh thổ quốc gia Việt Nam bao gồm:

- A. Vùng đất, vùng biển, vùng trời quốc gia.
- B. Đất liền, vùng biển đảo và vùng trời quốc gia.
- C. Vùng đất, vùng biển đảo, vùng trời và khu vực biên giới quốc gia.

D. Vùng đất, vùng biển, vùng trời quốc gia và lãnh thổ quốc gia đặc biệt.

Câu 4: Vùng đất quốc gia Việt Nam bao gồm:

A. Đất liền, các đảo và quần đảo.

B. Đất liền, các đảo và bán đảo.

C. Đất liền và các quần đảo.

D. Đất liền, bán đảo và quần đảo.

Câu 5: Trong vùng biển quốc gia, nội thủy là:

A. Vùng nước nằm bên trong lục địa.

B. Vùng biển nằm phía trong biên giới quốc gia trên biển.

C. Vùng biển nằm phía ngoài đường cơ sở.

D. Vùng biển nằm phía trong đường cơ sở.

Câu 6: Trong vùng biển quốc gia, nội thủy có chế độ pháp lý:

A. Tương tự như lãnh hải.

B. Như trên đất liền.

C. Như vùng đặc quyền kinh tế.

D. Như vùng tiếp giáp lãnh hải.

Câu 7: Quốc gia ven biển có chủ quyền hoàn toàn, đầy đủ và tuyệt đối ở:

A. Lãnh hải.

B. Nội thủy.

C. Vùng tiếp giáp lãnh hải.

D. Vùng đặc quyền kinh tế.

Câu 8: Trong vùng biển quốc gia, lãnh hải là:

A. Vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ bờ biển.

B. Vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ biên giới quốc gia trên biển.

C. Vùng biển có chiều rộng 10 hải lý tính từ đường cơ sở.

D. Vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở.

Câu 9: Vùng biển nào quốc gia ven biển có chủ quyền hoàn toàn, đầy đủ và không tuyệt đối?

A. Nội thủy.

B. Lãnh hải.

C. Vùng tiếp giáp lãnh hải.

D. Vùng đặc quyền kinh tế.

Câu 10: Lãnh hải của nước ta gồm:

A. Lãnh hải của đất liền.

B. Lãnh hải của đảo.

C. Lãnh hải của quần đảo

D. Cả ba lựa chọn trên.

Câu 11: Biên giới quốc gia trên biển là:

- A. **Ranh giới ngoài của lãnh hải.**
- B. Ranh giới ngoài của vùng tiếp giáp lãnh hải.
- C. Ranh giới ngoài của vùng đặc quyền kinh tế.
- D. Ranh giới ngoài của nội thủy.

Câu 12: Vùng trời quốc gia là:

- A. Khoảng không gian phía trên vùng đất và vùng biển quốc gia.
- B. Khoảng không gian phía trên đất liền và vùng biển quốc gia.
- C. **Khoảng không gian phía trên lãnh thổ quốc gia.**
- D. Khoảng không gian phía trên đất liền, đảo và quần đảo.

Câu 13: Chủ quyền quốc gia là:

- A. Quyền làm chủ một cách độc lập, toàn vẹn và đầy đủ về mọi mặt lập pháp, hành pháp và tư pháp trong phạm vi lãnh thổ quốc gia đó.
- B. Quốc gia thể hiện chủ quyền của mình trên mọi phương diện kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao.
- C. Quyền làm chủ vận mệnh của mỗi dân tộc, quyền quyết định chế độ chính trị, con đường phát triển.
- D. **Cả A và B**

Câu 14: Các quốc gia thể hiện chủ quyền trên những phương diện nào?

- A. Kinh tế.
- B. Chính trị.
- C. Quân sự, ngoại giao.
- D. **Tất cả lựa chọn trên.**

Câu 15: Chủ quyền lãnh thổ quốc gia là:

- A. Là một bộ phận của chủ quyền quốc gia, khẳng định quyền làm chủ vùng đất, vùng biển, vùng trời của quốc gia.
- B. Quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm, quyết định mọi vấn đề đối nội, đối ngoại của quốc gia.
- C. Một bộ phận chủ quyền quốc gia khẳng định quyền làm chủ quốc gia đó trên vùng lãnh thổ của mình.
- D. Quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm, quyết định mọi vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Câu 16: Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia:

- A. Đấu tranh làm thất bại các hoạt động phá hoại của các thế lực chống phá Việt Nam
- B. Xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội kết hợp với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh.

C. Xác lập và bảo vệ quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp của Việt Nam trên mọi lĩnh vực, mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, QP - AN đối ngoại trong phạm vi lãnh thổ nước ta.

D. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; tích cực chủ động hội nhập quốc tế.

Câu 17: Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia:

A. Bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ của đất nước bao gồm vùng đất, vùng trời, nội thủy, lãnh hải và lãnh thổ quốc gia đặc biệt.

B. Bảo vệ chủ quyền quốc gia trên mọi phương diện kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao.

C. Bảo vệ đường lối đối nội và đối ngoại của Nhà nước ta không bị lệ thuộc vào bên ngoài.

D. Tất cả lựa chọn trên.

Câu 18: Biên giới quốc gia Việt Nam bao gồm:

A. Biên giới quốc gia trên đất liền, trên biển và trên không.

B. Biên giới quốc gia trong lòng đất và trên biển.

C. Biên giới quốc gia trên không, trên biển và trong lòng đất.

D. Biên giới quốc gia trên đất liền, trên biển, trên không và trong lòng đất.

Câu 19: Biên giới quốc gia trên đất liền được xác định bằng:

A. Các mốc giới trên thực địa.

B. Các tọa độ trên hải đồ.

C. Các tọa độ trên bản đồ.

D. Cả A và C.

Câu 20: Biên giới quốc gia trên biển được đánh dấu bằng:

A. Các mốc giới trên biển.

B. Các tọa độ trên hải đồ.

C. Các tọa độ trên bản đồ.

D. Kinh độ, vĩ độ.

Câu 21: Nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia:

A. Ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh tế khu vực biên giới.

B. Ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở chính trị vững chắc khu vực biên giới.

C. Ưu tiên đầu tư xây dựng khu vực biên giới vững mạnh toàn diện.

D. Ưu tiên xây dựng lực lượng vũ trang địa phương ở khu vực biên giới.

Câu 22: Nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia:

A. Tăng cường mở rộng quan hệ đối ngoại các cấp trên khu vực biên giới.

B. Tăng cường, thực hiện tốt việc định canh, định cư cho nhân dân khu vực biên giới.

C. Tập trung xây dựng các khu vực kinh tế quốc phòng dọc tuyến biên giới vững mạnh.

D. Tập trung xây dựng các tổ chức chính trị vững chắc ở khu vực biên giới.

Câu 23: Nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia:

A. Phối hợp với các nước láng giềng, ngăn chặn mọi âm mưu gây bạo loạn lật đổ của kẻ thù.

B. Phối hợp với các nước, đấu tranh ngăn chặn mọi hành động phá hoại tình đoàn kết hữu nghị các nước láng giềng.

C. Kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường an ninh để bảo vệ vững chắc tổ quốc.

D. Kết hợp đấu tranh quân sự với đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Câu 24: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia được Đảng và Nhà nước ta xác định:

A. Là một nội dung quan trọng của sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

B. Là một nội dung quan trọng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

C. Là một nội dung quan trọng của chiến lược phát triển kinh tế trong thời kỳ mới.

D. Là một nội dung quan trọng của chiến lược đối ngoại trong thời kỳ mới.

Câu 25: Quan điểm của Nhà nước ta về xây dựng bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia:

A. Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là kết quả đấu tranh của hàng ngàn năm dựng nước.

B. Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là yếu tố cơ bản nhất cho sự phát triển kinh tế xã hội.

C. Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là thiêng liêng, bất khả xâm phạm của dân tộc Việt Nam.

D. Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là tài sản vô cùng quý giá của dân tộc Việt Nam.

Câu 26: Quan điểm xây dựng biên giới hòa bình hữu nghị, ổn định của Đảng và Nhà nước ta thể hiện:

A. Là vấn đề quan trọng cơ bản và lâu dài trong sự nghiệp cách mạng của Đảng ta.

B. Là quan điểm nhất quán trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

C. Là quan điểm nhất quán, phù hợp với lợi ích, luật pháp của Việt Nam và công ước quốc tế.

D. Là xây dựng biên giới hòa bình hữu nghị, ổn định phù hợp với đường lối đối ngoại của nước ta.

Câu 27: Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về việc giải quyết các vấn đề tranh chấp lãnh thổ, biên giới:

- A. Thông qua các cơ quan tài phán và công ước của Liên Hợp quốc về lãnh thổ, biên giới.
 - B. **Thương lượng hòa bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích chính đáng của nhau.**
 - C. Bằng con đường ngoại giao trên tinh thần bình đẳng đôi bên cùng có lợi.
 - D. Bằng nhiều biện pháp kể cả biện pháp sử dụng vũ lực để giải quyết tranh chấp.
- Câu 28: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia:

- A. Là sự nghiệp toàn dân.
- B. Dưới sự lãnh đạo của Đảng.
- C. Sự quản lí thống nhất của Nhà nước.
- D. **Cả ba lựa chọn trên.**

Câu 29: Trong xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, lực lượng nào là nòng cốt:

- A. **Quân đội nhân dân.**
- B. Công an nhân dân.
- C. Bộ đội địa phương.
- D. Dân quân tự vệ.

Câu 30: Trong xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, lực lượng nào là nòng cốt chuyên trách:

- A. Bộ đội hải quân.
- B. **Bộ đội biên phòng.**
- C. Cảnh sát biển.
- D. Dân quân tự vệ.

Bài 10: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

Câu 1: Vai trò của quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc:

- A. Có khả năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong khu dân cư.
- B. **Có khả năng phát hiện, quản lí, giáo dục, cải tạo các loại tội phạm.**
- C. Có khả năng trực tiếp đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm.
- D. Có khả năng tiến hành các biện pháp nghiệp vụ, nắm tình hình hoạt động của tội phạm.

Câu 2: Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là một hình thức hoạt động:

- A. Tự phát, có tổ chức của nhân dân lao động.
- B. **Tự giác, có tổ chức của nhân dân lao động.**
- C. Tự do, có tổ chức của nhân dân lao động.
- D. Bắt buộc, có tổ chức của nhân dân lao động.

Câu 3: Vị trí, tác dụng của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc:

- A. **Quan trọng không thể thiếu được trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Đảng nói chung và sự nghiệp bảo vệ an ninh trật tự nói riêng.**
- B. Chủ yếu, không thể xem nhẹ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.
- C. Quyết định sự thành bại sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.
- D. Nền tảng trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.
- Câu 4: Vị trí, tác dụng của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc:
- A. Giữ vị trí quan trọng, là nền tảng chủ yếu trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia.
- B. Giữ vị trí chủ yếu, là nền tảng vững chắc cho sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia.
- C. **Giữ vị trí chiến lược, là nền tảng cơ bản trong sự nghiệp bảo vệ ANQG, giữ gìn trật tự ATXH**
- D. Giữ vị trí trọng tâm, là nền tảng của sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.
- Câu 5: Mục đích của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh trật tự:
- A. Giúp cho lực lượng công an có điều kiện triển khai sâu rộng công tác nghiệp vụ phòng chống tội phạm.
- B. **Huy động sức mạnh của nhân dân để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với các loại tội phạm.**
- C. Trực tiếp phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, ngăn chặn các tệ nạn xã hội,
- D. Huy động sức mạnh của các tổ chức chính trị về phòng chống tội phạm.
- Câu 6: Đặc điểm của phong trào toàn dân bảo vệ Tổ quốc:
- A. Hình thức tổ chức quần chúng đa dạng, phong phú với hoạt động thiết thực.
- B. **Đối tượng tham gia đa dạng, liên quan đến mọi người, mọi tầng lớp xã hội.**
- C. Nội dung, hình thức xây dựng phong trào thống nhất trên mọi địa bàn.
- D. Gắn liền với nhiều hoạt động chính trị các cuộc vận động ở địa phương.
- Câu 7: Nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là:
- A. Vận động toàn dân nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng bảo vệ an ninh Tổ quốc.
- B. **Vận động toàn dân tích cực tham gia chương trình quốc gia phòng chống tội phạm.**
- C. Vận động nhân dân làm tốt công tác quốc phòng, an ninh ở địa phương, đơn vị.
- D. Vận động nhân dân tích cực tham gia xây dựng cuộc sống mới của khu dân cư.
- Câu 8: Nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc:
- A. Nắm tình hình xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ Tổ quốc.
- B. Xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.
- C. Tuyên truyền hướng dẫn nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh Tổ quốc.
- D. **Nắm tình hình chính trị, xã hội, tâm tư, nguyện vọng của quần chúng nhân dân.**
- Câu 9: Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là:
- A. Xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng tại cơ sở vững mạnh.
- B. Xây dựng mở rộng liên kết, phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể.

C. **Nắm tình hình và xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.**

D. Nắm tình hình chính trị, xã hội, tâm tư, nguyện vọng của quần chúng nhân dân.

Câu 10: Nội dung nắm tình hình xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc:

A. Vị trí, địa lí, phong tục tập quán, tín ngưỡng của quần chúng nhân dân.

B. Tình hình chấp hành hiến pháp, pháp luật của nhân dân địa phương.

C. **Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn.**

D. Trình độ văn hóa, mức sống của nhân dân địa phương.

Câu 11: Phương pháp nắm tình hình xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc:

A. Đi sát cơ sở nắm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội trên từng địa bàn dân cư.

B. Đi sát cơ sở, tiếp xúc gặp gỡ, thu thập ý kiến của các tổ chức, các tầng lớp dân cư khác nhau.

C. **Trực tiếp điều tra hoạt động của các tổ chức quần chúng tự quân ở địa phương.**

D. Tình hình quần chúng chấp hành đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Câu 12: Nội dung của kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là:

A. Xác định tất yếu phải xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

B. **Xác định mục đích, yêu cầu cụ thể phải đạt được của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.**

C. Xác định tính cấp thiết phải xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

D. Xác định nhiệm vụ, quyền hạn của cá nhân, tổ chức trong xây dựng phong trào.

Câu 13: Phương pháp xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc:

A. Viết dự thảo kế hoạch đảm bảo đủ về nội dung, đúng về thể thức văn bản.

B. Gửi bản dự thảo đến các tổ chức và cá nhân có liên quan để lấy ý kiến đóng góp.

C. Tiếp thu ý kiến đóng góp, nghiên cứu bổ sung, xây dựng hoàn chỉnh kế hoạch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã phê duyệt và tổ chức thực hiện.

D. **Tất cả đều đúng.**

Câu 14: Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc:

A. **Tuyên truyền, giáo dục và hướng dẫn quần chúng nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự.**

B. Tuyên truyền mở rộng liên kết, phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành, đoàn thể.

C. Xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng.

D. Tuyên truyền, giáo dục và hướng dẫn nhân dân xây dựng đời sống văn hóa mới.

Câu 15: Phương pháp tuyên truyền, giáo dục quần chúng nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự:

A. **Triệt để khai thác sử dụng phương tiện thông tin đại chúng.**

B. Tuyên truyền giáo dục nhân dân xây dựng đời sống văn hóa mới.

- C. Vận động nhân dân chấp hành tốt luật giao thông, giữ gìn trật tự công cộng.
- D. Xây dựng cụm khu dân cư có nếp sống văn hóa lành mạnh.

Câu 16: Tổ chức quần chúng nòng cốt làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự ở địa bàn cơ sở là:

- A. Tổ chức quần chúng tự quản ở cơ sở.
- B. Ban an ninh trật tự và Ban bảo vệ dân phố.**
- C. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ở cơ sở.
- D. Mặt trận tổ quốc ở cơ sở.

Câu 17: Nội dung, yêu cầu xây dựng các tổ chức quần chúng nòng cốt làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự là:

- A. Lựa chọn người có khả năng tổ chức, điều hành các hoạt động có liên quan đến an ninh trật tự.**
- B. Lựa chọn người có phẩm chất đạo đức trong sáng, tích cực trong các hoạt động ở cơ sở.
- C. Lựa chọn người có trình độ văn hóa cao, có lối sống giản dị, chân thành, trung thực.
- D. Lựa chọn người tiêu biểu xuất sắc trong các tổ chức quần chúng ở địa phương.

Câu 18: Phương pháp xây dựng các tổ chức quần chúng nòng cốt trong phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc:

- A. Xác định hình thức tổ chức quần chúng cần xây dựng.
- B. Xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức quần chúng được xây dựng.
- C. Đề xuất cấp ủy, chính quyền ra quyết định thành lập tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự.
- D. Tất cả đều đúng.**

Câu 19: Điển hình tiên tiến trong phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc là:

- A. Những cá nhân, đơn vị, tổ chức tích cực thực hiện phong trào.
- B. Những cá nhân, đơn vị, tổ chức có nhiều sáng kiến trong phong trào.
- C. Những cá nhân, đơn vị, cơ sở đạt được thành tích xuất sắc nổi trội trong phong trào.**
- D. Những cơ sở có tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tốt.

Câu 20: Để nhân rộng điển hình tiên tiến trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc cần làm tốt công việc:

- A. Lựa chọn điển hình tiên tiến; tổ chức rút kinh nghiệm điển hình tiên tiến; phổ biến kinh nghiệm điển hình tiên tiến.**
- B. Lựa chọn điển hình tiên tiến; phổ biến kinh nghiệm điển hình tiên tiến.
- C. Lựa chọn điển hình tiên tiến; tổ chức rút kinh nghiệm điển hình tiên tiến.
- D. Xây dựng điển hình tiên tiến và nhân rộng điển hình tiên tiến.

Câu 21: Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc:

- A. Tự giác chấp hành các quy định về đảm bảo an ninh trật tự của Nhà trường và địa phương nơi cư trú.**
- B. Nâng cao cảnh giác cách mạng, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu phá hoại của địch.

- C. Tích cực tham gia phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của Nhà trường.
- D. Tích cực tham gia phong trào: “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

Bài 11: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội

Câu 1: An ninh quốc gia là:

- A. Là sự bình yên của đất nước, cuộc sống ấm no hạnh phúc của nhân dân Việt Nam.
- B. Là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ XHCN và Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.
- C. Là sự bất khả xâm phạm độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc.

D. Cả B và C đúng.

Câu 2: Trong an ninh quốc gia, lĩnh vực nào là cốt lõi, xuyên suốt:

- A. An ninh kinh tế.
- B. An ninh chính trị.**
- C. An ninh tư tưởng văn hóa.
- D. An ninh đối ngoại.

Câu 3: Bảo vệ an ninh quốc gia là:

- A. Phòng ngừa các hoạt động xâm hại an ninh quốc gia.
- B. Phát hiện các hoạt động xâm hại an ninh quốc gia.
- C. Đấu tranh ngăn chặn các hoạt động xâm hại an ninh quốc gia của các thế lực phản động.
- D. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại các hoạt động xâm hại an ninh quốc gia.**

Câu 4: Mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia:

- A. Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, các cơ quan Nhà nước và nhân dân.
- B. Những đối tượng, địa điểm, công trình về chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế.
- C. Cơ sở khoa học kỹ thuật, văn hóa, xã hội thuộc danh mục cần được bảo vệ theo quy định của pháp luật.
- D. Cả B và C là đúng.**

Câu 5: Nguyên tắc bảo vệ an ninh quốc gia là:

- A. Kết hợp bảo vệ an ninh chính trị với bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.
- B. Tuân thủ hiến pháp, pháp luật, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.**
- C. Tuân thủ những quy định của luật Quốc phòng, luật an ninh và những quy định của chính quyền.
- D. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế xã hội với bảo vệ các công trình quốc

phòng an ninh.

Câu 6: Nguyên tắc bảo vệ an ninh quốc gia là:

- A. Kết hợp giữa bảo vệ an ninh tư tưởng với bảo vệ quyền lợi của nhân dân.
- B. Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, sự quản lý thống nhất của Nhà nước.**
- C. Kết hợp giữa phát triển với đấu tranh, làm thất bại các hoạt động xâm hại an ninh quốc gia.
- D. Đặt dưới sự lãnh đạo, quản lý của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

Câu 7: Cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia là:

- A. Cơ quan chỉ đạo, chỉ huy và các đơn vị Biên phòng, dân quân tự vệ, dự bị động viên.
- B. Cơ quan chỉ đạo tác chiến và các đơn vị an ninh quân đội, tình báo quân đội.
- C. Cơ quan chỉ đạo, chỉ huy và các đơn vị bảo vệ an ninh, tình báo, cảnh sát, cảnh vệ công an nhân dân.**
- D. Cơ quan chỉ đạo, chỉ huy và các đơn vị bộ đội hải quân, biên phòng, cảnh sát biển.

Câu 8: Các biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia:

- A. Vận động quần chúng, pháp luật, ngoại giao, kinh tế, khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ, vũ trang.**
- B. Vận động quần chúng, lực lượng vũ trang thực hiện chương trình quốc gia phòng chống tội phạm.
- C. Vận động quần chúng đẩy mạnh xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc ở cơ sở.
- D. Phát triển kinh tế, xây dựng nếp sống văn minh, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Câu 9: Nội dung bảo vệ an ninh tổ quốc gồm:

- A. Bảo vệ an ninh chính trị, an ninh quốc phòng, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân.
- B. Bảo vệ an ninh đối ngoại, bảo vệ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- C. Bảo vệ các chính sách kinh tế xã hội, tôn giáo, dân tộc của Đảng và Nhà nước.
- D. Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, dân tộc, tôn giáo, bên giới, thông tin.**

Câu 10: Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ:

- A. Giữ gìn sự trong sạch, vững mạnh về mọi mặt của tổ chức Đảng, Nhà nước.**
- B. Giữ gìn sự trong sạch, vững mạnh về mọi mặt của các tổ chức chính trị xã hội.
- C. Giữ gìn sự trong sạch, vững mạnh về mọi mặt của các tổ chức quần chúng.
- D. Giữ gìn sự trong sạch, vững mạnh về mọi mặt của lực lượng quân đội.

Câu 11: Trong bảo vệ an ninh quốc gia, nội dung nào là nhiệm vụ trọng yếu, hàng đầu, thường xuyên, cấp bách, toàn Đảng, toàn dân, của các ngành, các cấp:

- A. Bảo vệ an ninh biên giới.
- B. Bảo vệ an ninh kinh tế.
- C. Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ.**
- D. Bảo vệ an ninh dân tộc, tôn giáo.

Câu 12: Bảo vệ an ninh kinh tế là:

- A. Bảo vệ thành quả kinh tế, thành quả lao động sản xuất và đời sống của nhân dân.
- B. Bảo vệ sự ổn định, phát triển vững mạnh của nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN.**
- C. Bảo vệ sự ổn định phát triển vững mạnh của nền kinh tế thị trường XHCN.
- D. Bảo vệ công cuộc đổi mới sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Câu 13: Bảo vệ an ninh văn hóa tư tưởng là:

- A. Bảo vệ đúng đắn, vai trò chủ đạo của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.**
- B. Bảo vệ các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước Việt Nam.
- C. Bảo vệ các phong tục tập quán, truyền thống, tín ngưỡng của các dân tộc Việt Nam.
- D. Bài trừ tư tưởng lạc hậu, văn hóa, độc hại và các biểu hiện tiêu cực khác.

Câu 14: Nội dung giữ gìn trật tự an toàn xã hội:

- A. Đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn trật tự nơi công cộng, bảo đảm trật tự an toàn giao thông.
- B. Phòng ngừa tai nạn lao động, phòng chống thiên tai, bài trừ tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường.
- C. Phòng chống các phong tục cổ hủ, lạc hậu, thói hư, tật xấu.
- D. Cả A và B đúng.**

Câu 15: Đảm bảo trật tự an toàn giao thông là nhiệm vụ của:

- A. Cảnh sát giao thông, thanh tra giao thông.
- B. Chính phủ và ủy ban nhân dân các cấp.
- C. Ủy ban an toàn giao thông quốc gia.
- D. Tất cả mọi người tham gia giao thông.**

Câu 16: Hiện nay, Việt Nam khẳng định là đối tác của:

- A. Những quốc gia, vùng lãnh thổ, các tổ chức phi chính phủ giúp đỡ Việt Nam.
- B. Những nước XHCN và các nước đang phát triển đang giúp đỡ Việt Nam.
- C. Những ai chủ trương tôn trọng độc lập, chủ quyền và hợp tác bình đẳng cùng có lợi với Việt Nam.**
- D. Những tổ chức, cá nhân tôn trọng, giúp đỡ tạo điều kiện để Việt Nam phát triển.

Câu 17: Đối tượng xâm phạm đến an ninh quốc gia:

- A. Bọn tội phạm hình sự, tội phạm kinh tế.
- B. Bọn gián điệp, bọn phản động.**

- C. Các đối tượng xâm phạm trật tự an toàn xã hội.
- D. Các phần tử quá khích, gây rối.

Câu 18: Trong tình hình hiện nay, chúng ta cần tập chung đấu tranh chống lực lượng phản động:

- A. Bọn phản động lợi dụng tôn giáo dân tộc.
- B. Bọn phản động người Việt Nam ở nước ngoài.
- C. Bọn có tư tưởng quan điểm sai trái, thái hóa, biến chất.
- D. **Tất cả đều đúng.**

Câu 19: Đối tượng xâm phạm về trật tự an toàn xã hội cần tập chung đấu tranh:

- A. Bọn phản động trong và ngoài nước.
- B. Bọn tội phạm ma túy, tội phạm kinh tế.
- C. Bọn tội phạm hình sự.
- D. **Cả B và C.**

Câu 20: Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội:

- A. Đảng lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt bảo vệ an ninh quốc gia.
- B. Kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động của lực lượng công an với lực lượng quân đội.
- C. **Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.**
- D. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân về lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia.

Câu 21: Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội:

- A. **Bảo vệ an ninh quốc gia phải kết hợp chặt chẽ với giữ gìn trật tự an toàn xã hội.**
- B. Bảo vệ an ninh quốc gia kết hợp chặt chẽ với phát triển kinh tế xã hội.
- C. Bảo vệ an ninh quốc gia là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu.
- D. Tất cả đều đúng.

Câu 22: Trong bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, lực lượng nào là nòng cốt:

- A. Quân đội nhân dân.
- B. **Công an nhân dân.**
- C. Dân quân tự vệ.
- D. Quân chủng nhân dân.

Câu 23: Trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội:

- A. Tích cực, tự giác tham gia các hoạt động cụ thể để bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.
- B. Tích cực tham gia chiến dịch tình nguyện mùa hè do Đoàn thanh niên phát động.
- C. Tăng cường rèn luyện thể lực, học tập tốt môn học Giáo dục Quốc phòng- An ninh.
- D. **Cả A và C.**

Ý NGHĨA THỰC TIỄN

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường học đại học, cao đẳng là môn học góp phần nuôi dưỡng tinh thần yêu nước, trách nhiệm và bổn phận công dân đối với Tổ quốc cho sinh viên. Trong điều kiện tình hình dịch bệnh còn diễn biến hết sức phức tạp, chúng ta phải luôn xây dựng những phương án cần thiết để sẵn sàng đối phó với những tình huống xấu có thể xảy ra để tiếp tục duy trì học tập môn học bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy của người giảng viên, vừa bảo đảm chất lượng của từng bài giảng cũng như làm tốt công tác quản lý lớp học.

Thông qua học thuật tác giả mong muốn bổ sung thêm cho các giảng viên những kinh nghiệm, những giải pháp, biện pháp hay thiết thực đưa vào thực tiễn giảng dạy cho sinh viên khóa 65 và các khóa tiếp theo tại cơ sở của Nhà trường bảo đảm hiệu quả, thiết thực từ đó nâng cao chất lượng học tập khi học tập trực tuyến nhưng vẫn bảo đảm công tác quản lý lớp học và chất lượng học tập của từng sinh viên. Đồng thời thông qua học thuật này có thể hỗ trợ cho quá trình xây dựng bộ câu hỏi cho những môn học tiếp theo.

NGƯỜI BÁO CÁO

Hoàng Xuân Trường